



SỞ TÀI CHÍNH TỈNH VĨNH LONG
THANH TRA TÀI CHÍNH



KẾT LUẬN THANH TRA

ĐƠN VỊ: TRƯỜNG THCS - THPT PHÚ QUỚI
TRỰC THUỘC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO VĨNH LONG

Tháng 04 năm 2017



Số: 41 /KL-TTr

Vĩnh Long, ngày 24 tháng 4 năm 2017

KẾT LUẬN THANH TRA

Đơn vị: Trường THCS và THPT Phú Quới
trực thuộc Sở Giáo dục & Đào tạo tỉnh Vĩnh Long

Thực hiện Quyết định Thanh tra số 11/QĐ-TTr ngày 14/02/2017 của Chánh Thanh tra Sở Tài chính tỉnh Vĩnh Long về việc thanh tra công tác quản lý và quyết toán tài chính tại đơn vị Trường THCS và THPT Phú Quới trực thuộc Sở Giáo dục & Đào tạo tỉnh Vĩnh Long.

Thanh tra Sở Tài chính đã tiến hành thanh tra công tác quản lý và quyết toán tài chính tại Trường THCS và THPT Phú Quới trực thuộc Sở Giáo dục & Đào tạo tỉnh Vĩnh Long từ ngày 20/02/2017, kết thúc ngày 24/3/2017.

Căn cứ vào báo cáo kết quả thanh tra ngày 13/4/2017 của Trường Đoàn thanh tra về việc thanh tra công tác quản lý và quyết toán tài chính tại đơn vị Trường THCS và THPT Phú Quới trực thuộc Sở Giáo dục & Đào tạo tỉnh Vĩnh Long.

Thanh tra Sở Tài chính kết luận như sau:

PHẦN I: KHÁI QUÁT CHUNG

Trường THCS và THPT Phú Quới trực thuộc Sở giáo dục & Đào tạo tỉnh Vĩnh Long được thành lập theo Quyết định số 228/QĐ-UBND ngày 21/02/2014 của UBND tỉnh Vĩnh Long trên cơ sở Trường Trung học cấp 2+3 Phú Quới (trước đây do Sở Giáo dục và Đào tạo quyết định thành lập tại quyết định số 323/QĐ-SGD-ĐT ngày 08/02/1999).

1. Vị trí của trường THCS&THPT Phú Quới trong hệ thống giáo dục quốc dân:

Trường THCS và THPT Phú Quới là cơ sở giáo dục phổ thông của hệ thống giáo dục quốc dân. Trường có tư cách pháp nhân, có tài khoản và con dấu riêng.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của trường THCS và THPT Phú Quới trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Vĩnh Long:

Trường THCS và THPT Phú Quới có những nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

- Tổ chức giảng dạy, học tập và các hoạt động giáo dục khác theo mục tiêu, chương trình giáo dục phổ thông giành cho cấp THCS và THPT do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Công khai mục tiêu, nội dung các hoạt động giáo dục, nguồn lực và tài chính, kết quả đánh giá chất lượng giáo dục.

- Quản lý giáo viên, cán bộ, nhân viên theo quy định của pháp luật.

- Tuyển sinh và tiếp nhận học sinh; vận động học sinh đến trường; quản lý học sinh theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Thực hiện kế hoạch phổ cập giáo dục trong phạm vi được phân công.

- Huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực cho hoạt động giáo dục. Phối hợp với gia đình và học sinh, tổ chức và cá nhân trong hoạt động giáo dục.

- Quản lý, sử dụng và bảo quản cơ sở vật chất, trang thiết bị theo quy định của Nhà nước.

- Tổ chức cho giáo viên, nhân viên, học sinh tham gia hoạt động xã hội.
- Thực hiện các hoạt động về kiểm định chất lượng giáo dục.
- Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

3. Về bộ máy và biên chế cán bộ của trường THCS và THPT Phú Quới:

3.1. Tổ chức bộ máy:

- Ban giám hiệu gồm: Hiệu trưởng và 03 Phó Hiệu trưởng phụ trách chuyên môn;
- 13 tổ chuyên môn gồm: tổ Văn – GDCD (THCS); tổ Toán (THCS); tổ Hóa - Sinh – TD (THCS); tổ Anh văn - Nhạc – Họa (THCS); tổ Sử - Địa (THCS); tổ Sử - Địa (THPT); tổ Văn – GDCD (THPT); tổ Toán (THPT); tổ Hóa – Sinh (THPT); Tổ Anh Văn (THPT); tổ Lý (THPT); tổ Thể dục –Quốc phòng; tổ Tin học (THPT);

- 01 Tổ Văn phòng;

3.2. Biên chế được giao: Năm 2015 biên chế chính thức 115 người và 02 hợp đồng;

3.3. Trường THCS và THPT Phú Quới được giao quyền tự chủ tự chịu trách nhiệm về tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Giáo dục & Đào tạo, ổn định từ năm 2013-2015 theo Quyết định số 1736/QĐ.UBND ngày 26/10/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Năm 2015: Tổng quỹ lương thực hiện: 5.618.241.008đ; Thu nhập bình quân: 4.001.596đ/người/tháng;

PHẦN II: KẾT QUẢ THANH TRA

A. Nguồn kinh phí ngân sách NN cấp

I. Tổng hợp dự toán giao và quyết toán kinh phí các năm 2015 (theo báo cáo):

Đơn vị tính: đồng

NỘI DUNG	TỔNG SỐ
I. Kinh phí NSNN cấp chi thường xuyên (L490 - K 494)	10.606.000.000
1. Kinh phí năm trước chuyển sang	46.000.000
<i>10% tiết kiệm chi thường xuyên dùng để CCTL</i>	<i>46.000.000</i>
2. Dự toán giao trong năm (kể cả bổ sung)	10.560.000.000
- Kinh phí giao thực hiện tự chủ	10.457.000.000
<i>Trong đó: 10% tiết kiệm chi thường xuyên để CCTL</i>	<i>67.000.000</i>
- Kinh phí giao không thực hiện tự chủ	138.000.000
3. Kinh phí được sử dụng trong năm	10.606.000.000
- Kinh phí giao thực hiện tự chủ	10.468.000.000
- Kinh phí giao không thực hiện tự chủ	138.000.000
4. Kinh phí thực rút Kho bạc NN huyện Vũng Liêm	10.498.281.616
- Kinh phí giao thực hiện tự chủ	10.360.281.616
- Kinh phí giao không thực hiện tự chủ	138.000.000
5. Kinh phí đề nghị Quyết toán	10.440.781.616
- Kinh phí giao thực hiện tự chủ	10.302.781.616
- Kinh phí giao không thực hiện tự chủ	138.000.000
6. Kinh phí đã sử dụng chuyển sang năm sau quyết toán	57.500.000
7. Kinh phí chưa sử dụng còn tại KBNN	107.718.384
<i>Trong đó: - Kinh phí tự chủ</i>	<i>5.647.984</i>
<i>- Kinh phí dùng để CCTL</i>	<i>102.070.400</i>
II. Kinh phí NSNN cấp chi không thường xuyên (L160-167)	650.000.000
- Lát gạch tầng trệt, chống thấm, sơn tường, các phòng...	650.000.000

Niên độ kế toán năm 2015 Trường THCS và THPT Phú Quới đã có Thông báo xét duyệt quyết toán số 1141/TB-SGDĐT ngày 12/8/2016 của Sở Giáo dục & Đào tạo tỉnh Vĩnh Long. Tại thời điểm thanh tra Trường THCS và THPT Phú Quới (thuộc khối Sở Giáo dục & Đào tạo) chưa có thông báo xét duyệt quyết toán năm 2015 của Sở Tài chính.

II. Về quyết toán sử dụng kinh phí (Chi tiết phụ lục số 01 kèm theo)

Đơn vị tính: đồng

NỘI DUNG	Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu thanh tra	Chênh lệch
Kinh phí chi thường xuyên (L490-K494)	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3 = 2 - 1</i>
1. Kinh phí giao tự chủ	10.302.781.616	10.161.801.311	- 140.980.305
2. Kinh phí không thực hiện tự chủ	138.000.000	121.300.000	- 16.700.000
TỔNG CỘNG (1+2)	10.440.781.616	10.283.101.311	- 157.680.305

1. Nguyên nhân chênh lệch: Chi sai nguyên tắc, chế độ QLTC, tổng số tiền: 157.680.305đ, cụ thể:

1.1 Nguồn kinh phí giao tự chủ số tiền: 140.980.305đ

a/ Mục 6100 – Phụ cấp lương: Chi thanh toán tiền phụ cấp ưu đãi (30%) đối với Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng sai quy định, số tiền: 57.113.508đ

Căn cứ Điểm c, Mục 1, Phần I Thông tư liên tịch số 01/2006/TTLT-BGD&ĐT-BNV-BTC ngày 23/01/2006 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Nội vụ và Bộ Tài chính, hướng dẫn thực hiện Quyết định số 244/2005/QĐ-TTg ngày 06/10/2005 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ phụ cấp ưu đãi với nhà giáo đang trực tiếp giảng dạy trong các cơ sở giáo dục công lập, quy định: “*Cán bộ quản lý thuộc biên chế trả lương của các cơ sở giáo dục công lập, trực tiếp giảng dạy đủ số giờ theo quy định của cấp có thẩm quyền*”.

Tại khoản 2 Điều 7 Thông tư số 28/2009/TT-BGDĐT ngày 21/10/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về chế độ làm việc đối với giáo viên phổ thông, quy định: “*Hiệu trưởng dạy 2 tiết/tuần. Phó hiệu trưởng dạy 4 tiết/tuần*”.

Căn cứ số tiết Ban Giám hiệu trực tiếp giảng dạy thể hiện trên sổ đầu bài các năm học 2014- 2015, 2015-2016 và 2016-2017 do đơn vị cung cấp và Báo cáo xác nhận ngày 19/4/2017 (bằng văn bản) số tiết thực dạy của Ban Giám hiệu các tháng 1, 2, 3, 4, 5 (học kỳ II năm học 2013-2014 do mất sổ đầu bài), thanh tra tài chính ghi nhận như sau:

TT	Nội dung	Hiệu trưởng (Lê Thành Hiếu)	P.Hiệu trưởng (Lê Thanh Khoa)	P.Hiệu trưởng (Trần Minh Phúc)	P.Hiệu trưởng (Phan Hoàng Tú Nga)
1	Năm 2014 (39 tuần học): chi sai quy định số tiền 49.946.202đ				
	- Số tiết chuẩn theo quy định	78 tiết	156 tiết	156 tiết	156 tiết
	- Số tiết thực tế giảng dạy	85 tiết	56 tiết	0 tiết	164 tiết
	- Số tiền PCƯĐ chi sai quy định	0	24.973.101đ	24.973.101đ	0
2	Năm 2015 (35 tuần học): Chi sai quy định số tiền 57.113.508đ				
	- Số tiết chuẩn theo quy định	70 tiết	140 tiết	140 tiết	140 tiết
	- Số tiết thực tế giảng dạy	78 tiết	63 tiết	08 tiết	122 tiết
	- Số tiền PCƯĐ chi sai quy định	0	25.196.454đ	25.196.454đ	6.720.600đ
3	Năm 2016 (35 tuần học): chi sai quy định số tiền 42.739.705đ				
	- Số tiết chuẩn theo quy định	70 tiết	140 tiết	140 tiết	140 tiết
	- Số tiết thực tế giảng dạy	86 tiết	67 tiết	90 tiết	171 tiết
	- Số tiền PCƯĐ chi sai quy định	0	25.827.529đ	16.912.176đ	0
	Cộng 3 năm: 149.799.415đ	0	75.997.084	67.081.731	6.720.600

Theo số liệu tổng hợp trên thì năm 2015 Ban Giám Hiệu trường không trực tiếp giảng dạy số giờ theo quy định nhưng vẫn hưởng phụ cấp ưu đãi (30%), sai quy định, số tiền: **57.113.508đ** (đã giảm trừ những tháng ban Giám Hiệu dạy đủ số tiết).

Tương tự các năm 2014, 2016 đơn vị đã chi trả phụ cấp ưu đãi cho ban Giám Hiệu sai quy định số tiền: **92.685.907đ** (năm 2014, số tiền: 49.946.202đ, năm 2016, số tiền: 42.739.705đ). Tổng số tiền chi sai quy định các năm 2014, 2015, 2016 là: **149.799.415đ**

Đối với trường hợp của P.Hiệu trưởng Trần Minh Phúc, năm 2015 Sở Giáo dục & Đào tạo đã có quyết định kỷ luật và thu hồi khoản phụ cấp ưu đãi số tiền 19.026.198đ (9 tháng) do không giảng dạy từ tháng 9/2014 đến tháng 5/2015, do đó thanh tra Tài chính sẽ giảm trừ số tiền trên tại phần kiến nghị xử lý của Kết luận thanh tra.

b/ Mục 6300 – Các khoản đóng góp: Chi sai niên độ ngân sách số tiền: 30.978.798đ, cụ thể:

- Năm 2015 đơn vị đã sử dụng kinh phí ngân sách NN cấp (giao tự chủ) niên độ ngân sách 2015 để chi trả thai sản năm 2014, số tiền: **30.978.798đ** (tại giấy chuyển khoản số RDT00129q ngày 26/01/2015 số tiền 21.647.600đ và giấy chuyển khoản số RDT00130q ngày 26/01/2015 số tiền 9.331.192đ).

- Tương tự năm 2016, đơn vị sử dụng kinh phí ngân sách NN cấp (giao tự chủ) niên độ ngân sách 2016 để chi trả thai sản năm 2015, số tiền **31.450.975đ** (tại giấy CK số RDT249q ngày 02/02/2016 số tiền: 8.506.175đ, giấy CK số RDT250q ngày 02/02/2016 số tiền: 22.944.800đ).

Đơn vị thuyết minh: năm 2014, số tiền 2% BHXH giữ lại để chi trả thai sản là 30.978.792đ (đơn vị đã làm thủ tục quyết toán với BHXH năm 2014), thực tế số tiền trên đơn vị không chi trả thai sản mà sử dụng cho hoạt động khác. Đến tháng 01 năm 2015, đơn vị đã sử dụng kinh phí ngân sách cấp (giao tự chủ) niên độ ngân sách năm 2015 để chi trả thai sản năm 2014 và quyết toán kinh phí năm 2015, số tiền: **30.978.798đ**. Tương tự năm 2015, số tiền 2% BHXH giữ lại để chi trả thai sản là 77.696.875đ (đơn vị đã làm thủ tục quyết toán với BHXH), thực tế trong năm 2015 đơn vị mới chi trả thai sản số tiền 46.234.600đ, số còn lại 31.462.275đ đơn vị đã sử dụng cho hoạt động khác, đến tháng 2/2016 đơn vị sử dụng kinh phí ngân sách cấp niên độ năm 2016 để chi trả thai sản năm 2015 số tiền: **31.450.975đ** và đưa vào quyết toán kinh phí năm 2016.

Căn cứ tại Điểm 4.1.3 - Khoản 4.1 – Mục 4 – Phần 5 – Thông tư số 59/2003/TT-BTC ngày 23/6/2003 của Bộ Tài chính Hướng dẫn thực hiện Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 6 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước quy định: **“Các khoản chi ngân sách được bố trí trong dự toán ngân sách năm nào, chỉ được chi trong niên độ ngân sách năm đó...”** và tại Mục 5 Điều 72 Luật ngân sách NN năm 2012 quy định những hành vi sau đây là những hành vi vi phạm pháp luật về ngân sách: **“Chi sai chế độ, không đúng mục đích, không đúng dự toán ngân sách được giao”;**

c/ Mục 6550 – Vật tư văn phòng, số tiền 1.188.999đ: Chi thanh toán không có chứng từ và phiếu chi số tiền 1.188.999đ, cụ thể: Chi mua mực giấy nhân bản HKII 2014-2015, số tiền 1.050.000đ và chi tiền mua bọc ni lông, số tiền 138.999đ.

d/ Mục 6600 – Thông tin liên lạc, số tiền: 12.600.000đ

Chi khoản tiền cước phí điện thoại di động cho Hiệu trưởng và Giáo viên chủ nhiệm trường năm 2015, sai đối tượng số tiền **12.600.000đ**, trong đó: chi cho Hiệu trưởng, số tiền: 3.600.000đ (300.000đ/tháng x 12 tháng); chi cho giáo viên chủ nhiệm trường, số tiền: 9.000.000đ/năm.

Căn cứ tại Mục 2, Điều 2 Quyết định số 17/VBHN-BTC ngày 04/3/2014 của Bộ Tài chính về việc Ban hành quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng điện thoại công vụ tại nhà riêng và điện thoại di động đối với cán bộ lãnh đạo trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội, thị Hiệu trưởng và giáo viên chủ nhiệm trường THCS và THPT Phú Quới không thuộc đối tượng được trang bị điện thoại và cước phí điện thoại riêng.

Theo Báo cáo ngày 01/3/2017 của đơn vị năm 2014 đơn vị chi khoản tiền cước phí điện thoại di động cho Hiệu trưởng, số tiền: **2.400.000đ** (8 tháng x 300.000đ/tháng).

đ/ Mục 6700 – Công tác phí, số tiền: 31.705.000đ

- Chi sai niên độ ngân sách số tiền **21.555.000đ**: năm 2015 đơn vị đã sử dụng kinh phí ngân sách NN cấp (giao tự chủ) niên độ ngân sách 2015 để chi thanh toán tiền công tác phí năm 2014, số tiền 21.555.000đ, cụ thể tại giấy rút dự toán số RDT00119q ngày 20/1/2015, chi tiền tàu xe, phụ cấp công tác phí tháng 12/2014, số tiền 21.242.000đ và giấy rút dự toán số RDT00125q ngày 25/1/2015, chi tiền tàu xe, phụ cấp công tác phí Tháng 12/2014 số tiền 313.000đ.

- Chi thanh toán tiền công tác phí không có chứng từ (giấy đi đường), số tiền **10.150.000đ**, tại giấy rút dự toán chuyển khoản thực chi số CKKB00342 ngày 27/12/2015, chi tiền tàu xe, phụ cấp công tác phí Tháng 12/2015, số tiền 10.150.000đ (đơn vị báo mất).

e/ **Mục 7000 - Chi phí nghiệp vụ chuyên môn, số tiền 3.000.000đ**: Sử dụng hóa đơn, chứng từ để hợp thức hóa chứng từ thanh toán, số tiền 3.000.000đ, tại phiếu chi số 00296a ngày 09/7/2015, chi tiền mua tập phát thưởng học sinh (kèm theo hóa đơn bán hàng số 0074822 ngày 12/3/2015, mua 500 quyển tập, số tiền 3.000.000đ). Đơn vị thuyết minh thực tế không mua tập phát thưởng cho học sinh mà do chi sai mục đích nên mua hóa đơn để hợp thức hóa chứng từ thanh toán.

f/ **Mục 7750 - Chi khác, số tiền 4.394.000đ**: Hóa đơn bán hàng số 0043983 không ghi ngày tháng năm, số tiền: 4.394.000đ, tại phiếu chi số 00446x ngày 24/11/2015, nội dung chi tiếp khách.

g/ Trong năm 2015 đơn vị đã chi thu nhập tăng thêm cho CB, GV, VC, số tiền: **57.500.000đ** nhưng không đưa vào quyết toán kinh phí năm 2015 mà mang sang năm 2016 quyết toán (tại giấy CK số CKKB00348 ngày 21/01/2016).

Theo thuyết minh của đơn vị: Do trong năm đơn vị đã sử dụng nguồn cải cách tiền lương (40% nguồn thu học phí) để chi trả tiền BHXH với tổng số tiền là: **65.087.923đ** (do đó nguồn kinh phí ngân sách cấp (giao tự chủ) tiết kiệm được số tiền: 63.147.984đ, đơn vị đã chi thu nhập tăng thêm cho CB, GV, CV số tiền: **57.500.000đ**. Khi duyệt quyết toán, Sở Giáo dục không chấp nhận quyết toán mà yêu cầu treo tại TK phải thu khác (3318), lý do đơn vị đã sử dụng nguồn cải cách tiền lương để chi trả BHXH mặc dù trong năm không có nhu cầu CCTL do tăng lương tối thiểu. Năm 2016 đơn vị chưa thu được nhưng đưa vào báo cáo quyết toán năm 2016 để quyết toán với Sở Giáo dục và Đào tạo.

1.2. Nguồn kinh phí giao không tự chủ, số tiền: 16.700.000đ.

Mục 7000 - Chi phí nghiệp vụ chuyên môn: Chi sai quy định, số tiền: 16.700.000đ, cụ thể:

Dự toán đầu năm giao kinh phí (không tự chủ) để thực hiện công tác ISO năm 2015, số tiền: 30.000.000đ. Ngày 23/12/2015 đơn vị đã làm thủ tục thanh toán số tiền trên với kho Bạc NN huyện Long Hồ và chuyển vào tài khoản tiền gửi của đơn vị tại ngân hàng công thương, chi nhánh khu công nghiệp Hòa Phú huyện Long Hồ (tại giấy CK số RDT00197 ngày 23/12/2015). Ngày 30/12/2015 đơn vị rút tiền thực chi cho các thành viên thực hiện công tác ISO của trường, số tiền 13.300.000đ (tại lệnh chi ngày 30/12/2015 của

ngân hàng Công thương). Số tiền còn lại là 16.700.000đ, đến ngày 13/5/2016 đơn vị tiếp tục chi cho công tác ISO, số tiền: 13.600.000đ (tại lệnh chi ngày 13/5/2016 của ngân hàng công thương), chưa chi còn tồn tại TK tiền gửi NHCT là 3.100.000đ.

Căn cứ Khoản 14.1-Mục 14 -Phần IV và Điểm 4.1.3 Khoản 4.1- Mục 4 -Phần V – Thông tư số 59/2003/TT-BTC ngày 23/6/2003 của Bộ Tài chính Hướng dẫn thực hiện Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 6 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước quy định: “...***Nghiêm cấm các đơn vị sử dụng ngân sách rút dự toán chuyển vào TK tiền gửi, trừ các trường hợp được pháp luật cho phép...***” “***Các khoản chi ngân sách được bố trí trong dự toán ngân sách năm nào, chỉ được chi trong niên độ ngân sách năm đó. Các khoản chi ngân sách thuộc dự toán năm trước chưa thực hiện hoặc chưa thực hiện hết, không được chuyển sang năm sau chi tiếp...***”.

Như vậy, việc đơn vị làm thủ tục chuyển kinh phí để thực hiện công tác ISO năm 2015 (không tự chủ) từ tài khoản dự toán vào TK tiền gửi ngân hàng và sử dụng không hết tiếp tục chuyển sang năm sau chi tiếp là sai so với Luật ngân sách và chế độ kế toán hiện hành.

2. Đối với Kinh phí NSNN cấp chi không thường xuyên (L160-167): sửa chữa lớn TSCĐ, công trình dự án Lát gạch tầng trệt, chống thấm, sơn tường, các phòng,... số tiền 650.000.000đ. Ngày 03/02/2015, Sở Tài chính có Quyết định số 52/QĐ-STC phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành với tổng giá trị: 642.258.500đ, do đó Thanh tra Tài chính không kiểm tra nội dung này.

3. Chi chưa đảm bảo nguyên tắc tài chính, đề nghị chấn chỉnh rút kinh nghiệm, số tiền: 123.391.845đ

- **Mục 6200 - Tiền thưởng, số tiền: 21.790.000đ**

+ Chi thanh toán, một số nội dung chi đơn vị không xây dựng trong quy chế chi tiêu nội bộ theo quy định, số tiền: **1.200.000đ**, tại phiếu chi số 00370 ngày 03/3/2015 chi tiền khen thưởng học sinh đạt giải cuộc thi sáng tạo KHKT năm học 2014 – 2015.

+ Chi khen tiền thưởng cho giáo viên nhưng không có quyết định khen thưởng, số tiền: **20.590.000đ** (tại các giấy CK 00223q ngày 8/12/2015 chi tiền khen thưởng của giáo viên số tiền: 15.230.000đ; giấy CK 00229q ngày 11/12/2015 chi tiền khen thưởng tuyển sinh số tiền: 5.360.000đ).

- **Mục 6550 – Vật tư văn phòng, số tiền: 6.760.000đ**, cụ thể tại giấy rút dự toán số CKKB00280 ngày 20/8/2015, chuyển tiền mua kệ sắt, số tiền 6.760.000đ, không có giấy đề nghị mua hàng, không có giấy đề nghị thanh toán và không có 03 phiếu báo giá kèm theo.

- **Mục 6600- Thông tin liên lạc, số tiền: 9.742.000đ**, cụ thể chi khoản văn phòng phẩm cho giáo viên nhưng không xây dựng trong quy chế chi tiêu nội bộ, tại giấy rút dự toán chuyển khoản số RDT00176q ngày 2/7/2015, số tiền 9.742.000đ.

- **Mục 6750 - Chi phí thuê mướn, số tiền 2.500.000đ:** Chi thuê xe không có hóa đơn tài chính, chỉ có biên nhận tiền số tiền: 2.500.000đ. Diễn hình tại các phiếu chi: 00281a ngày 1/4/2015, phiếu chi 00330 ngày 21/7/2015; Phiếu chi 00294x ngày 25/7/2015;

- **Mục 6900 - Sửa chữa tài sản, số tiền 28.921.000đ:** Chi sửa chữa tài sản không có đề nghị sửa chữa của bộ phận chuyên môn, số tiền: 28.921.000đ. Diễn hình tại các phiếu chi: số 00327 ngày 21/7/2015, phiếu chi 00374 ngày 03/3/2015, phiếu chi 00366x ngày 23/9/2015,...

- Mục 7000 - Chi phí nghiệp vụ chuyên môn, số tiền 50.938.845đ.

+ Chi thanh toán, một số nội dung chi đơn vị không xây dựng trong quy chế chi tiêu nội bộ theo quy định, số tiền **33.514.545đ** cụ thể: Chi sao in đề thi KHII; chấm bài thi trắc nghiệm học kỳ; kiểm tra tập trung K9; chi cho ban chỉ đạo và lập kế hoạch; Chi tiền GV dạy nâng kém; Chi tiền bán đạn thật; hội thi Giáo dục Quốc phòng – An ninh; coi kiểm tra; xét công nhận tốt nghiệp THCS Điền hình tại các phiếu chi số 00296x ngày 25/7/2015, chi tiền sao in đề thi HKII (2014 – 2015) số tiền: 2.758.000đ; Phiếu chi số 00312 ngày 9/7/2015 Chi tiền bán đạn thật K11/2015 số tiền: 2.250.000đ; Phiếu chi số 00313 ngày 9/7/2015, chi tiền hội thi Giáo dục Quốc phòng – An ninh 2015, số tiền: 4.847.500đ.

Căn cứ Khoản 3, mục IV hướng dẫn liên ngành số 65/HDLN-STC-SGDĐT ngày 21/01/2014 của Liên ngành Sở Tài chính và Sở Giáo dục & Đào tạo Vĩnh Long hướng dẫn v/v mức chi tổ chức các kỳ thi phổ thông, thi tuyển lớp 10 chuyên, lớp 10 phổ thông, lớp 10 nội trú, lớp 10 năng khiếu thể dục thể thao, thi học sinh giỏi trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long quy định: “...Các kỳ thi do cơ sở giáo dục (nhà trường) tổ chức được quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị nhưng tối đa bằng 20% của Thông tư 66/2012/TTLT/BTC-BGDĐT...”.

+ Một số sai phạm khác, số tiền **17.424.300đ**: Chi thanh toán không có đề nghị mua của bộ phận chuyên môn; phiếu chi không có chữ ký của thủ quỹ; chi khen thưởng nhưng không có Quyết định khen thưởng,... Điền hình tại các phiếu chi số 00297a ngày 09/4/2015, nội dung chi tiền mua hàng hóa TDTT phục vụ chuyên môn, số tiền: 3.840.000đ; phiếu chi 00311x ngày 22/7/2015 chi tiền đặt in lai có mệnh giá, số tiền: 1.114.300đ; giấy CK 00215q ngày 04/11/2015 chi chấm sáng kiến kinh nghiệm, số tiền: 3.520.000đ.

- Mục 7750 – Chi khác, số tiền: 2.740.000đ: Chi không có hóa đơn tài chính hoặc biên nhận nhận tiền tại phiếu chi số 00341x ngày 25/8/2015, phiếu chi số 00310x ngày 13/7/2015, phiếu chi số 00328, ngày 21/7/2015.

B/ Thu, chi nguồn học phí:

1. Thu học phí

Đơn vị tính: đồng

NỘI DUNG	Số Báo cáo	Số kiểm tra	Chênh lệch
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>3-2</i>
- Năm trước chuyển sang	126.427.912	126.427.912	0
- Thu trong năm	299.745.000	299.745.000	0
<i>Trích 40% để cải cách tiền lương</i>	<i>119.898.000</i>	<i>119.898.000</i>	<i>0</i>
- Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	426.172.912	426.172.912	0
- Tổng kinh phí đã sử dụng trong năm	235.030.835	235.030.835	0
- Kinh phí đề nghị quyết toán	169.942.912	169.942.912	0
- Tồn chuyên năm sau	191.142.077	191.142.077	0
<i>Cải cách tiền lương</i>	<i>191.142.077</i>	<i>191.142.077</i>	<i>0</i>

Ghi nhận qua Thanh tra

a/ Theo báo cáo của đơn vị trong năm 2014, 2015, 2016, đơn vị thu học phí nhưng không ra biên lai tài chính, nguyên nhân, khi thu học phí đơn vị tính sử dụng biên lai tạm rồi ra biên lai tài chính sau, nhưng do số lượng học sinh nhiều, kế toán không ra biên lai kịp nên bỏ luôn không ra biên lai. Ngoài ra đơn vị cũng không quyết toán biên lai thu học phí với chi cục thuế huyện Long Hồ, lý do Chi cục Thuế huyện Long Hồ chuyển đổi hình thức quyết toán biên lai thu học phí trên phần mềm giao dịch điện tử, do kế toán chưa rành các thủ tục giao dịch nên không quyết toán lai thu.

Căn cứ tại Mục 1.2 Phần II- Hướng dẫn liên ngành số 943/HDLN-SGDĐT-STC-SLĐT BXH ngày 01/8/2013 của Sở Giáo dục & Đào tạo, Sở Tài chính và Sở Lao động Thương binh & Xã hội về việc thực hiện miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và cơ chế thu sử dụng học phí, tiền học buổi thứ hai, lớp bán trú đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long quy định: **“Thu học phí sử dụng Biên lai tài chính theo quy định...”**. Tại Mục 2 Điều 4 Thông tư số 153/2012/TT-BTC ngày 17/9/2012 của Bộ Tài chính, hướng dẫn việc in, phát hành, quản lý và sử dụng các loại chứng từ thu tiền phí, lệ phí thuộc ngân sách nhà nước, quy định: **“Hàng Quý, chậm nhất 15 ngày kể từ ngày cuối cùng của mỗi quý, cơ quan thu phí, lệ phí có trách nhiệm nộp báo cáo tình hình sử dụng Biên lai thu tiền phí, lệ phí... cho cơ quan Thuế quản lý trực tiếp...”**.

Như vậy việc đơn vị thu tiền học phí nhưng không ra biên lai tài chính, không báo cáo và quyết toán với cơ quan thuế là chưa đúng quy định.

b/ Đơn vị báo cáo năm học 2015-2016, thất thu học phí, số tiền: 17.640.000đ, nguyên nhân: “Do đa số học sinh rơi vào gia đình có hoàn cảnh khó khăn không rủng ryon cuộc sống chủ yếu làm thuê, làm công nhân. Nên gặp nhiều khó khăn trong việc đóng học phí”. Đây là trách nhiệm của thủ trưởng đơn vị, đề nghị đơn vị phải có biện pháp khắc phục tình trạng thất thu học phí nêu trên.

2. Chi nguồn học phí (chi tiết phụ lục 02):

Số báo cáo: **169.942.912đ**; Số kiểm tra: **142.277.962đ**; Chênh lệch: **27.664.950đ**;

Ghi nhận qua thanh tra:

a/ **Chênh lệch giữa số kiểm tra so với số báo cáo của đơn vị giảm số tiền: 27.664.950đ.** Nguyên nhân: Chi sai nguyên tắc và chế độ quản lý tài chính, số tiền: 27.664.950đ, cụ thể:

- **Mục 6400 – Các khoản thanh toán khác cho cá nhân, số tiền: 11.650.000đ:** Chi hỗ trợ học phí cho viên chức đi học đại học, không có trong chế độ quy định, tại phiếu chi số 340x ngày 23/8/2015, số tiền 11.650.000đ.

Tại Mục 1 Phần III Hướng dẫn Liên ngành số 97/HDLN-STC-SNV, ngày 28/01/2015 của Sở Tài chính - Sở Nội vụ về việc quy định một số mức chi đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn trong nước của cán bộ, công chức, viên chức nhà nước trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long quy định **“Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức ... (không kể đào tạo trung cấp, cao đẳng, đại học chuyên môn nghiệp vụ)...”**.

Đơn vị báo cáo, năm 2014 đơn vị chi tiền học phí cho viên chức đi học đại học, số tiền **4.425.000đ**, tại phiếu chi số 131 ngày 12/8/2014. Như vậy đơn vị đã chi hỗ trợ cho đối tượng trên đi học đại học năm 2014, 2015, tổng số tiền: **16.075.000đ**;

- **Mục 7000 - chi phí chuyên môn số tiền 6.758.000đ:**

+ Chi in-phù hiệu cho học sinh không có trong chế độ quy định số tiền: **1.000.000đ**, tại phiếu chi số 428x ngày 11/5/2015 (HĐBH số 0032485 ngày 14/10/2015, in phù hiệu học sinh, số tiền 1.000.000đ).

+ Phiếu chi không có ký duyệt và đóng dấu của thủ trưởng đơn vị, không có chữ ký và tên người nhận tiền, sai quy định, số tiền **5.758.000đ**. Cụ thể tại phiếu chi số 363 ngày 20/12/2015; phiếu chi số 351 ngày 12/9/2015; phiếu chi số 350 ngày 12/9/2015;

Theo quy định tại Quyết định số 19/2006/QĐ-BTC ngày 30/3/2006 của Bộ Tài chính về việc ban hành chế độ kế toán hành chính sự nghiệp, quy định **“... Mọi chứng từ kế toán phải có đủ chữ ký theo chức danh quy định trên chứng từ mới có giá trị thực hiện...”**

- **Mục 7750 - Chi khác, số tiền 9.256.950đ:** Chi tiền hoa hồng thu học phí cho Ban giám hiệu, kế toán, thủ quỹ và Giáo viên chủ nhiệm, không có trong chế độ quy định, cụ thể tại phiếu chi số 384 ngày 03/3/2015, chi tiền hoa hồng hỗ trợ thu học phí HKII 2014-2015 số tiền: 9.256.950đ.

- Mục 7000 - Chi phí nghiệp vụ chuyên môn, số tiền 50.938.845đ.

+ Chi thanh toán, một số nội dung chi đơn vị không xây dựng trong quy chế chi tiêu nội bộ theo quy định, số tiền **33.514.545đ** cụ thể: Chi sao in đề thi KHII; chấm bài thi trắc nghiệm học kỳ; kiểm tra tập trung K9; chi cho ban chỉ đạo và lập kế hoạch; Chi tiền GV dạy nâng kém; Chi tiền bản đạ thật; hội thi Giáo dục Quốc phòng – An ninh; coi kiểm tra; xét công nhận tốt nghiệp THCS Diễn hình tại các phiếu chi số 00296x ngày 25/7/2015, chi tiền sao in đề thi HKII (2014 – 2015) số tiền: 2.758.000đ; Phiếu chi số 00312 ngày 9/7/2015 Chi tiền bản đạ thật K11/2015 số tiền: 2.250.000đ; Phiếu chi số 00313 ngày 9/7/2015, chi tiền hội thi Giáo dục Quốc phòng – An ninh 2015, số tiền: 4.847.500đ.

Căn cứ Khoản 3, mục IV hướng dẫn liên ngành số 65/HDLN-STC-SGDĐT ngày 21/01/2014 của Liên ngành Sở Tài chính và Sở Giáo dục & Đào tạo Vĩnh Long hướng dẫn v/v mức chi tổ chức các kỳ thi phổ thông, thi tuyển lớp 10 chuyên, lớp 10 phổ thông, lớp 10 nội trú, lớp 10 năng khiếu thể dục thể thao, thi học sinh giỏi trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long quy định: **“...Các kỳ thi do cơ sở giáo dục (nhà trường) tổ chức được quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị nhưng tối đa bằng 20% của Thông tư 66/2012/TTLT/BTC-BGDĐT...”**.

+ Một số sai phạm khác, số tiền **17.424.300đ**: Chi thanh toán không có đề nghị mua của bộ phận chuyên môn; phiếu chi không có chữ ký của thủ quỹ; chi khen thưởng nhưng không có Quyết định khen thưởng,... Diễn hình tại các phiếu chi số 00297a ngày 09/4/2015, nội dung chi tiền mua hàng hóa TDTT phục vụ chuyên môn, số tiền: 3.840.000đ; phiếu chi 00311x ngày 22/7/2015 chi tiền đặt in lai có mệnh giá, số tiền: 1.114.300đ; giấy CK 00215q ngày 04/11/2015 chi chăm sóc kiến kinh nghiệm, số tiền: 3.520.000đ.

- Mục 7750 – Chi khác, số tiền: 2.740.000đ: Chi không có hóa đơn tài chính hoặc biên nhận nhận tiền tại phiếu chi số 00341x ngày 25/8/2015, phiếu chi số 00310x ngày 13/7/2015, phiếu chi số 00328, ngày 21/7/2015.

B/ Thu, chi nguồn học phí:

1. Thu học phí

Đơn vị tính: đồng

NỘI DUNG	Số Báo cáo	Số kiểm tra	Chênh lệch
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>3-2</i>
- Năm trước chuyển sang	126.427.912	126.427.912	0
- Thu trong năm	299.745.000	299.745.000	0
<i>Trích 40% để cải cách tiền lương</i>	<i>119.898.000</i>	<i>119.898.000</i>	<i>0</i>
- Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	426.172.912	426.172.912	0
- Tổng kinh phí đã sử dụng trong năm	235.030.835	235.030.835	0
- Kinh phí đề nghị quyết toán	169.942.912	169.942.912	0
- Tồn chuyển năm sau	191.142.077	191.142.077	0
<i>Cải cách tiền lương</i>	<i>191.142.077</i>	<i>191.142.077</i>	<i>0</i>

Ghi nhận qua Thanh tra

a/ Theo báo cáo của đơn vị trong năm 2014, 2015, 2016, đơn vị thu học phí nhưng không ra biên lai tài chính, nguyên nhân, khi thu học phí đơn vị tính sử dụng biên lai tạm rồi ra biên lai tài chính sau, nhưng do số lượng học sinh nhiều, kế toán không ra biên lai kịp nên bỏ luôn không ra biên lai. Ngoài ra đơn vị cũng không quyết toán biên lai thu học phí với chi cục thuế huyện Long Hồ, lý do Chi cục Thuế huyện Long Hồ chuyển đổi hình thức quyết toán biên lai thu học phí trên phần mềm giao dịch điện tử, do kế toán chưa rành các thủ tục giao dịch nên không quyết toán lai thu.

Căn cứ tại Mục 1.2 Phần II- Hướng dẫn liên ngành số 943/HDLN-SGDĐT-STC-SLĐT BXH ngày 01/8/2013 của Sở Giáo dục & Đào tạo, Sở Tài chính và Sở Lao động Thương binh & Xã hội về việc thực hiện miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và cơ chế thu sử dụng học phí, tiền học buổi thứ hai, lớp bán trú đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long quy định: **“Thu học phí sử dụng Biên lai tài chính theo quy định...”**. Tại Mục 2 Điều 4 Thông tư số 153/2012/TT-BTC ngày 17/9/2012 của Bộ Tài chính, hướng dẫn việc in, phát hành, quản lý và sử dụng các loại chứng từ thu tiền phí, lệ phí thuộc ngân sách nhà nước, quy định: **“Hàng Quý, chậm nhất 15 ngày kể từ ngày cuối cùng của mỗi quý, cơ quan thu phí, lệ phí có trách nhiệm nộp báo cáo tình hình sử dụng Biên lai thu tiền phí, lệ phí... cho cơ quan Thuế quản lý trực tiếp...”**.

Như vậy việc đơn vị thu tiền học phí nhưng không ra biên lai tài chính, không báo cáo và quyết toán với cơ quan thuế là chưa đúng quy định.

b/ Đơn vị báo cáo năm học 2015-2016, thất thu học phí, số tiền: 17.640.000đ, nguyên nhân: “Do đa số học sinh rơi vào gia đình có hoàn cảnh khó khăn không rủng ryon cuộc sống chủ yếu làm thuê, làm công nhân. Nên gặp nhiều khó khăn trong việc đóng học phí”. Đây là trách nhiệm của thủ trưởng đơn vị, đề nghị đơn vị phải có biện pháp khắc phục tình trạng thất thu học phí nêu trên.

2. Chi nguồn học phí (chi tiết phụ lục 02):

Số báo cáo: **169.942.912đ**; Số kiểm tra: **142.277.962đ**; Chênh lệch: **27.664.950đ**;

Ghi nhận qua thanh tra:

a/ **Chênh lệch giữa số kiểm tra so với số báo cáo của đơn vị giảm số tiền: 27.664.950đ.** Nguyên nhân: Chi sai nguyên tắc và chế độ quản lý tài chính, số tiền: 27.664.950đ, cụ thể:

- **Mục 6400 – Các khoản thanh toán khác cho cá nhân, số tiền: 11.650.000đ:** Chi hỗ trợ học phí cho viên chức đi học đại học, không có trong chế độ quy định, tại phiếu chi số 340x ngày 23/8/2015, số tiền 11.650.000đ.

Tại Mục 1 Phần III Hướng dẫn Liên ngành số 97/HDLN-STC-SNV, ngày 28/01/2015 của Sở Tài chính - Sở Nội vụ về việc quy định một số mức chi đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn trong nước của cán bộ, công chức, viên chức nhà nước trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long quy định **“Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức ... (không kể đào tạo trung cấp, cao đẳng, đại học chuyên môn nghiệp vụ)...”**.

Đơn vị báo cáo, năm 2014 đơn vị chi tiền học phí cho viên chức đi học đại học, số tiền **4.425.000đ**, tại phiếu chi số 131 ngày 12/8/2014. Như vậy đơn vị đã chi hỗ trợ cho đối tượng trên đi học đại học năm 2014, 2015, tổng số tiền: **16.075.000đ**;

- **Mục 7000 - chi phí chuyên môn số tiền 6.758.000đ:**

+ Chi in-phù hiệu cho học sinh không có trong chế độ quy định số tiền: **1.000.000đ**, tại phiếu chi số 428x ngày 11/5/2015 (HĐBH số 0032485 ngày 14/10/2015, in phù hiệu học sinh, số tiền 1.000.000đ).

+ Phiếu chi không có ký duyệt và đóng dấu của thủ trưởng đơn vị, không có chữ ký và tên người nhận tiền, sai quy định, số tiền **5.758.000đ**. Cụ thể tại phiếu chi số 363 ngày 20/12/2015; phiếu chi số 351 ngày 12/9/2015; phiếu chi số 350 ngày 12/9/2015;

Theo quy định tại Quyết định số 19/2006/QĐ-BTC ngày 30/3/2006 của Bộ Tài chính về việc ban hành chế độ kế toán hành chính sự nghiệp, quy định **“... Mọi chứng từ kế toán phải có đủ chữ ký theo chức danh quy định trên chứng từ mới có giá trị thực hiện...”**

- **Mục 7750 - Chi khác, số tiền 9.256.950đ:** Chi tiền hoa hồng thu học phí cho Ban giám hiệu, kế toán, thủ quỹ và Giáo viên chủ nhiệm, không có trong chế độ quy định, cụ thể tại phiếu chi số 384 ngày 03/3/2015, chi tiền hoa hồng hỗ trợ thu học phí HKII 2014-2015 số tiền: 9.256.950đ.

Đơn vị báo cáo năm 2014, 2016, đơn vị đã chi tiền hoa hồng học phí cho Ban giám hiệu, kế toán, thủ quỹ và Giáo viên chủ nhiệm số tiền **17.594.550đ** (trong đó: năm 2014, số tiền **9.261.000đ**, tại phiếu chi số 61 ngày 21/12/2014, số tiền 8.293.050đ, phiếu chi số 365 ngày 23/12/2014, số tiền 967.950đ; năm 2016, số tiền **8.333.550đ**, tại giấy ủy nhiệm chi số 01 ngày 06/1/2016 số tiền 8.333.550đ).

b/ Về quyết toán nguồn thu học phí: Năm 2015, đơn vị đã chi cho hoạt động thường xuyên từ nguồn thu học phí số tiền: **235.030.835đ** nhưng đến tháng 12/2016 mới có lệnh ghi thu chi ghi của Sở Tài chính và quyết toán ngân sách năm 2016, số tiền 169.942.912đ. Số còn lại là 65.087.923đ ($235.030.835đ - 169.942.912đ$) đơn vị hòa chung vào chi phí hoạt động của nguồn học phí năm 2016 và quyết toán niên độ ngân sách năm 2016. Nguyên nhân, đơn vị thuyết minh do đơn vị đã sử dụng nguồn cải cách tiền lương để chi trả BHXH số tiền 65.087.923đ (năm 2015 không có tăng lương cơ bản) do đó Sở Giáo dục và Đào tạo không cho quyết toán kinh phí năm 2015 mà yêu cầu chuyển qua năm 2016 quyết toán.

Theo đơn vị báo cáo thì tháng 01/2017 Sở Tài chính có lệnh ghi thu, ghi chi học phí năm 2016, số tiền 488.523.875đ (trong đó có học phí của năm 2015, số tiền 42.767.803đ), còn lại đến nay chưa quyết toán được, số tiền 78.320.120đ (gồm: năm 2015, số tiền 22.320.120đ, năm 2016, số tiền 56.000.000đ).

Việc ghi thu ghi chi và quyết toán nguồn thu học phí như trên là chưa đúng quy định tại Luật ngân sách và chế độ kế toán, tài chính hiện hành.

C. Thu, chi nguồn dịch vụ năm 2014, 2015, 2016 (Căn tin, nhà xe, Vpp) chi tiết
Phụ lục số 03:

1. Thu dịch vụ (căn tin, nhà xe, VPP)

Ghi nhận qua thanh tra:

a/ Đơn vị chưa thực hiện nộp đủ các khoản phải nộp vào ngân sách nhà nước (thuế giá trị gia tăng 5% và thuế thu nhập doanh nghiệp 5%) các năm 2014, 2015, 2016 với tổng số tiền là **9.665.000đ**, trong đó: Năm 2014, chưa nộp số tiền: 9.180.000đ ($91.800.000đ \times 10\%$); năm 2015, nộp thừa số tiền: 350.000đ (Số phải nộp: 8.300.000đ - số đã nộp 8.650.000đ); năm 2016 nộp thiếu số tiền: 835.000đ (Số phải nộp: 10.815.000đ - số đã nộp: 9.980.000đ).

b/ Không thực hiện trích 40% số thu dịch vụ được để lại để tạo nguồn cải cách tiền lương các năm 2014, 2015, 2016 theo quy định với tổng số tiền: **101.862.000đ**, trong đó: năm 2014, số tiền 33.048.000đ; năm 2015, số tiền: 29.880.000đ; năm 2016, số tiền: 38.934.000đ.

2. Chi nguồn dịch vụ (căn tin, nhà xe, vpp):

Đơn vị tính: đồng

NỘI DUNG	Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu thanh tra	Chênh lệch
	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3 = 2 - 1</i>
Năm 2014	115.382.400	103.462.400	-11.920.000
Năm 2015	83.264.000	74.904.000	-8.360.000
Năm 2016	107.703.963	100.107.963	-7.596.000
TỔNG SỐ	306.350.363	278.474.363	-27.876.000

Chênh lệch giữa số kiểm tra so với số báo cáo của đơn vị đến cuối năm 2016 giảm số tiền: **27.876.000đ**. Nguyên nhân: Chi sai nguyên tắc và chế độ quản lý tài chính, số tiền: 27.876.000đ.

- Năm 2014, 2015, 2016, chi trả tiền thuê dân phòng trực giữ gìn an ninh trật tự trước cổng trường (vào đầu giờ và cuối mỗi buổi học), không có trong chế độ quy định, tổng số tiền: **15.000.000đ** (600.000đ/tháng), trong đó năm 2014, số tiền: 2.400.000đ, năm 2015, số tiền: 6.600.000đ, năm 2016, số tiền: 6.000.000đ.

- Năm 2014, Chi thanh toán sai niên độ ngân sách số tiền **9.520.000đ**, cụ thể: Phiếu chi số 0064 lập ngày **21/1/2014**, chi tiền mua ly, bình cho giáo viên 20/11 (hóa đơn bán hàng số 0006550 lập ngày **18/11/2013**, số tiền 15.340.000đ).

- Năm 2015, Lập phiếu chi thanh toán cao hơn chứng từ thực chi, số tiền **1.760.000đ**, cụ thể tại phiếu chi số 00318 ngày 1/8/2015, chi tiền tổng kết công tác đoàn năm 2014-2015, số tiền 2.650.000đ, chứng từ kèm theo, số tiền 890.000đ, gồm biên lai thu tiền ngày 16/7/2015, số tiền 650.000đ, chi thanh toán tiền công tác phí, số tiền 240.000đ. Như vậy đơn vị chi vượt 1.760.000đ. ;

- Năm 2016, chi tiền nước uống cho học sinh không có trong chế độ quy định, số tiền **1.596.000đ**, cụ thể tại phiếu chi số 00411b ngày 23/1/2016, chi tiền nước uống cho học sinh (HĐGTGT số 0000728 ngày 22/01/2016, số tiền 1.596.000đ).

D. Nguồn thu khác năm 2014, 2015, 2016 (Theo báo cáo): Chi tiết phụ lục 4

Đơn vị tính: đồng

TT	NỘI DUNG	NĂM 2014	NĂM 2015	NĂM 2016
1	Năm trước chuyển sang	20.911.229	93.447.107	202.2014.840
2	Thu trong năm	685.195.108	1.165.020.066	1.051.515.436
3	Chi Trong năm	612.659.230	1.056.252.333	921.441.130
4	Tồn cuối năm	93.447.107	202.214.840	332.289.146

Ghi nhận qua kiểm tra:

a/ Theo báo cáo của đơn vị thì năm 2014, 2015, 2016 có tổng cộng 16 nguồn thu khác đề ngoài BCTC với tổng số tiền: **2.846.124.610đ** (năm 2014, số tiền: 674.369.108đ; năm 2015, số tiền: 1.142.380.066đ; năm 2016, số tiền: 1.029.375.436đ), gồm: thu chăm sóc SKBĐ; thu hoa hồng BHYT; thu hoa hồng BHTT; thu dạy thêm học thêm; thu thanh lý tài sản phế liệu; thu xã hội hóa; thu ủng hộ tổ chức các lễ của trường; thu cho thuê cơ sở vật chất; thu tổ chức văn nghệ; thu khuyến học; thu Hội chữ thập đỏ; thu lệ phí tuyển sinh ĐHCĐ; thu khen thưởng; thu hoa hồng văn phòng phẩm; thu điện nước căn tin – tiệm photo copy. Đơn vị có mở sách kế toán để theo dõi tất cả các nguồn thu trên nhưng không phản ánh vào báo cáo tài chính theo quy định.

b/ Năm 2014, 2015, 2016 đơn vị thu tiền giấy thi của học sinh sai quy định, số tiền: **55.606.000đ** (gồm: năm 2014, số tiền: 10.826.000đ, năm 2015, số tiền 22.640.000đ; năm 2016, số tiền 22.140.000đ). Đơn vị đã chi tổng số tiền 35.700.000đ, trong đó không có chứng từ, số tiền: 28.700.000đ (gồm: năm 2014, số tiền 8.200.000đ; năm 2015, số tiền 13.500.000đ; năm 2016, số tiền 14.000.000đ, trong đó không có chứng từ, số tiền 7.000.000đ).

c/ Về quản lý, sử dụng nguồn thu: Đơn vị không lập phiếu thu, phiếu chi, Hiệu trưởng ký duyệt chi trực tiếp trên chứng từ (danh sách, hóa đơn, biên nhận, phiếu thu của bên bán...); không phản ánh vào báo cáo tài chính; Chi sai nguyên tắc và chế độ quản lý tài chính, tổng số tiền **210.924.148đ**, cụ thể:

- **Nguồn thu Dạy thêm học thêm:** Sử dụng khoản trích 15% (dùng để chi tiền điện, nước, sửa chữa cơ sở vật chất phục vụ dạy thêm học thêm) để chi tham quan, khám bệnh cho giáo viên, chi tiền tết nguyên đán, tặng quà cho thiếu nhi... sai quy định, số tiền **185.404.148đ** (chi tiết tại phụ lục số 04 kèm theo), cụ thể:

+ Năm 2014, chi đi tham quan, khám bệnh giáo viên tổng số tiền 30.500.000đ (tại phiếu chi số 00270, ngày 19/9/2014, số tiền 19.000.000đ; PC số 00111, ngày 27/3/2014, số tiền 8.000.000đ; PC số 00261 ngày 11/9/2014, số tiền: 3.500.000đ);

+ Năm 2015, chi đi tham quan, tiền tết nguyên đán, tặng quà thiếu nhi,..tổng số tiền 105.184.148đ (gồm 17 phiếu chi);

+ Năm 2016, chi đi tham quan, mua bánh trung thu, tiệc 20/11, tổng số tiền 49.720.000đ (gồm 05 phiếu chi);

Căn cứ tại Điều 5 Quyết định số 02/2014/QĐ-UBND ngày 13/01/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh Vĩnh Long về việc ban hành quy định về dạy thêm, học thêm trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long quy định “... 15% dùng để chi tiền điện, nước và sửa chữa cơ sở vật chất phục vụ cho dạy thêm, học thêm”.

- **Nguồn Thanh lý tài sản (năm 2014), chi sai quy định, số tiền 15.112.000đ, cụ thể:** Chi nấu ăn tất niên năm 2014, số tiền 15.112.000đ (tại hóa đơn bán lẻ ngày 13/9/2014, số tiền 1.732.000đ, hóa đơn bán lẻ ngày 20/11/2014, số tiền 1.680.000đ và biên nhận nấu ăn ngày 18/2/2014 số tiền 11.700.000đ).

Theo quy định tại Mục 2 phần IV Thông tư số 71/2006/TT-BTC ngày 09/08/2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 43/2016/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập, quy định “...*tiền thu do thanh lý tài sản thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước, được để lại tăng nguồn kinh phí đầu tư, tăng cường cơ sở vật chất, đổi mới trang thiết bị...*”.

- **Nguồn thu từ khen thưởng (năm 2016):** Chi khen thưởng, số tiền 25.768.000đ, trong đó không có chứng từ (Danh sách nhận tiền), số tiền **9.118.000đ**.

- **Nguồn thu chữ thập đỏ (năm 2015):** Chi không có trong chế độ quy định, số tiền **1.290.000đ**, cụ thể chi hỗ trợ mua máy tính xách tay số tiền 1.290.000đ (HĐGTGT số 002670 ngày 22/10/2015 số tiền 9.290.000đ, trong đó chi từ nguồn chữ thập đỏ số tiền 1.290.000đ).

E. Về thanh toán BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ:

1/ BHXH, BHYT, BHTN:

a/ Căn cứ bảng số liệu Đoàn thanh tra tính thì đến hết ngày 31/12/2015, đơn vị còn nộp thừa tiền BHXH, BHYT, BHTN cho cơ quan BHXH huyện Long Hồ là: **19.842.500đ**, trong đó:

- Nộp thừa BHXH, số tiền: 14.467.678 (số phải nộp: 1.647.825.328đ – số thực nộp: 1.662.293.006đ).

- Nộp thiếu BHYT, số tiền: 797.243đ (số phải nộp: 285.200.537đ - số thực nộp: 284.403.294đ).

- Nộp thừa BHTN số tiền: 6.172.065đ, trong đó khấu trừ thừa tiền BHTN của Hiệu trưởng số tiền: 170.548đ, trích nộp thừa BHTN của viên chức, số tiền: 6.001.517đ.

b/ Theo Thông báo kết quả đóng BHXH, BHYT, BHTN của cơ quan BHXH huyện Long Hồ thì đến hết năm 2015, đơn vị còn nộp thừa số tiền: 27.652.136đ, cao hơn so với số liệu của Đoàn thanh tra số tiền: 7.809.636đ (27.652.136đ-19.842.500đ). Nguyên nhân do đơn vị không đối chiếu với cơ quan BHXH huyện Long Hồ về tổng quỹ tiền lương và các khoản phụ cấp, tăng, giảm trong năm... do đó cơ quan BHXH huyện Long Hồ không cập nhật kịp thời, dẫn đến chênh lệch thừa số tiền **19.842.500đ**.

2/ Kinh phí công đoàn: Lũy kế đến hết năm 2015, đơn vị nộp thiếu KPCĐ cho Công đoàn ngành giáo dục số tiền: **301.592đ**

G. Việc hạch toán nguyên giá TSCĐ, hao mòn TSCĐ và nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ; Khấu hao TSCĐ; Mua sắm, sửa chữa, thanh lý TSCĐ; Việc chấp hành chế độ báo cáo, quản lý, sử dụng tài sản, công cụ, dụng cụ:

1. Hạch toán nguyên giá TSCĐ, hao mòn TSCĐ và nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ:

**BẢNG CHI TIẾT NGUYÊN GIÁ, HAO MÒN,
NGUỒN KINH PHÍ ĐÃ HÌNH THÀNH TSCĐ NĂM 2015**

Đơn vị tính: đồng

Nội dung	BC tăng, giảm TSCĐ	Số kiểm tra	Chênh lệch
<i>A</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3=2-1</i>
1. Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	11.574.341.000	11.574.341.000	0
Số phát sinh tăng	432.341.000	3.052.433.000	2.620.092.000
Số phát sinh giảm		142.963.000	142.963.000
Số dư cuối kỳ	12.006.682.000	14.483.811.000	2.477.129.000
2. Hao mòn TSCĐ			
Số dư đầu kỳ	4.571.704.000	4.571.704.000	0
Số phát sinh tăng	612.358.000	1.483.162.000	870.804.000
Số phát sinh giảm		142.963.000	142.963.000
Số dư cuối kỳ	5.184.062.000	5.911.903.000	727.841.000
3. Nguồn kinh phí hình thành TSCĐ			
Số dư đầu kỳ	7.002.637.000	7.002.637.000	0
Số phát sinh tăng	432.341.000	1.758.529.000	1.736.380.000
Số phát sinh giảm	612.358.000	599.450.000	-12.908.000
Số dư cuối kỳ	6.825.096.000	8.571.908.000	1.749.288.000

Nguyên nhân chênh lệch giữa số kiểm tra so với số báo cáo của đơn vị:

- Về nguyên giá TSCĐ:

+ Số phát sinh tăng: chênh lệch tăng số tiền 2.620.092.000đ, do Thanh tra Sở Tài chính hạch toán tăng nguyên giá TSCĐ do sửa chữa, cải tạo, nâng cấp TSCĐ đã hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng từ năm 2008 đến năm 2015, đơn vị chưa đưa vào Báo cáo tài chính để theo dõi và tính hao mòn theo quy định.

+ Số phát sinh giảm: Chênh lệch tăng số tiền 142.963.000đ, nguyên nhân do đơn vị không phản ánh một số tài sản cố định đã thanh lý năm 2014, nguyên giá 142.963.000đ vào báo cáo tài chính.

+ Số dư cuối kỳ: Chênh lệch tăng số tiền 2.477.129.000đ, nguyên nhân do đơn vị không phản ánh vào báo cáo tài chính nguyên giá TSCĐ phát sinh tăng từ năm 2008 đến năm 2015 và phát sinh giảm TSCĐ do thanh lý năm 2014 dẫn đến chênh lệch trên.

- Về Hao mòn TSCĐ:

+ Số phát sinh tăng: chênh lệch tăng số tiền 870.804.000đ, do thanh tra tài chính tính hao mòn lũy kế của những TSCĐ phát sinh do sửa chữa, cải tạo, nâng cấp đã hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng từ năm 2008 đến năm 2015 và tính lại toàn bộ giá trị hao mòn TSCĐ do đơn vị tính sai.

+ Số phát sinh giảm: chênh lệch tăng số tiền 142.963.000đ, nguyên nhân do đơn vị không phản ánh giá trị hao mòn của TSCĐ đã thanh lý năm 2014.

+ Số dư cuối kỳ: chênh lệch tăng số tiền 727.841.000, do Đoàn thanh tra tính lại toàn bộ giá trị hao mòn của TSCĐ và phản ánh giá trị hao mòn lũy kế của TSCĐ đã hình thành qua cải tạo, sửa chữa... phát sinh từ năm 2008 đến năm 2015;

- Về nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ:

+ Số phát sinh tăng: chênh lệch tăng số tiền: 1.736.380.000đ, do thanh tra tài chính hạch toán tăng nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ do sửa chữa, cải tạo, nâng cấp đã hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng, từ năm 2008 đến năm 2015.

+ Số phát sinh giảm: chênh lệch giảm số tiền 12.908.000đ, do thanh tra tài chính tính lại giá trị hao mòn của tất cả TSCĐ (do đơn vị tính sai) và tính hao mòn lũy kế của những tài sản hình thành do sửa chữa, cải tạo nâng cấp... từ 2008 đến năm 2015.

+ Số dư cuối kỳ: chênh lệch tăng số tiền 1.749.288.000đ, do thanh tra tài chính hạch toán tăng nguyên giá TSCĐ, số tiền 1.736.380.000đ và điều chỉnh giảm giá trị hao mòn, số tiền 12.908.000đ của TSCĐ (do đơn vị tính sai).

2. Việc mua sắm tài sản cố định: Đơn vị thực hiện đúng quy trình về mua sắm tài sản được quy định tại Thông tư số 68/2012/TT-BTC ngày 26/4/2012 của Bộ Tài chính.

3. Việc quản lý sử dụng và hạch toán TSCĐ, công cụ, dụng cụ: Hàng năm đơn vị có thực hiện kiểm kê tài sản theo quy định. Tuy nhiên việc quản lý tài sản chưa được chặt chẽ theo quy định tại hướng dẫn số 1049/HD.STC, ngày 21/9/2015 của Sở Tài chính Vĩnh Long, cụ thể như:

- Chưa ban hành quy chế quản lý, sử dụng tài sản nhà nước thuộc phạm vi quản lý theo Hướng dẫn số 1049/HD-STC, ngày 21/9/2015 của Sở Tài chính tỉnh Vĩnh Long; Không thực hiện chế độ báo cáo công khai quản lý, sử dụng tài sản nhà nước tại đơn vị sự nghiệp công lập được giao quản lý, sử dụng tài sản nhà nước theo Thông tư số 89/2010/TT-BTC ngày 16/6/2010 của Bộ Tài chính.

- Chưa chuyển những tài sản không đủ tiêu chuẩn là TSCĐ sang theo dõi, quản lý bên công cụ, dụng cụ lâu bền theo quy định tại Thông tư 162/2014/TT-BTC ngày 06/11/2014; chưa thực hiện việc hạch toán TK 005 (công cụ, dụng cụ lâu bền) vào tài khoản ngoài bảng trong bảng cân đối tài khoản năm 2015.

4. Về xác định giá trị quyền sử dụng đất:

Qua kiểm tra đơn vị chưa thực hiện việc xác định giá trị quyền sử dụng đất để tính vào giá trị tài sản của đơn vị theo quy định tại Thông tư số 29/2006/TT-BTC ngày 04/4/2006 của Bộ Tài chính, hướng dẫn thực hiện Nghị định số 13/2006/NĐ-CP ngày 24/01/2006 của Chính phủ về xác định giá trị quyền sử dụng đất để tính vào giá trị tài sản của các tổ chức được Nhà nước giao đất không thu tiền SDD.

H. Việc quản lý, theo dõi tài khoản tiền mặt, tiền gửi Kho bạc 2015

1. Tài khoản tiền mặt (TK 111):

Đơn vị tính: đồng

TT	Nội dung	Số dư đầu năm	Số PS tăng trong năm	Số PS giảm trong năm	Số dư cuối năm
1	Nguồn KP NSNN cấp	0	269.969.634	269.969.634	0
2	Nguồn thu học phí	59.558.733	369.745.000	425.009.550	4.294.183
3	Nguồn thu khác	17.189.905	889.512.123	850.309.237	56.39.791
	Tổng cộng	76.748.638	1.529.226.757	1.545.288.421	60.686.974

Ghi nhận qua thanh tra:

- Cuối năm đơn vị có lập biên bản kiểm kê quỹ tiền mặt theo quy định.
- Sổ quỹ tiền mặt của kế toán: Cuối năm kế toán mới in ra khóa sổ, không khóa sổ vào cuối mỗi tháng và cuối mỗi quý, không đóng dấu giáp lai theo quy định.

- Sổ quỹ tiền mặt của thủ quỹ: sổ viết tay không đúng mẫu theo quy định, không khóa sổ vào cuối mỗi tháng và cuối mỗi quý. Đơn vị chỉ mở 01 cuốn sổ để theo dõi tất cả các nguồn thu, chi và tạm ứng, dẫn đến việc tổng hợp số liệu gặp nhiều khó khăn.

Việc quản lý quỹ tiền mặt như trên của đơn vị là chưa đúng quy định tại Luật Kế toán năm 2003 và chế độ kế toán hành chính sự nghiệp được ban hành kèm theo Quyết định số 19/2006/QĐ-BTC ngày 30/3/2006 của Bộ Tài chính.

2. Tài khoản tiền gửi Kho bạc (TK 112):

Đơn vị tính: đồng

TT	Nội dung	Số dư đầu năm	Số PS tăng trong năm	Số PS giảm trong năm	Số dư cuối năm
1	Tài khoản 3712.2.1046332: tiền gửi học phí	66.869.179	299.745.000	179.766.282	186.847.897
2	Tài khoản 3713.2.1046332: tiền gửi kinh phí công đoàn	0	55.873.182	55.873.182	0

- Đơn vị có mở sổ theo dõi tài khoản tiền gửi kho bạc, cuối năm in ra khóa sổ nhưng không đóng dấu giáp lai theo quy định.

- Hàng tháng, hàng quý và cuối năm đơn vị có đối chiếu số dư tài khoản tiền gửi với Kho bạc nhà nước huyện Long Hồ.

PHẦN III: NHẬN XÉT VÀ KẾT LUẬN

Qua thanh tra tại đơn vị, Thanh tra Sở Tài chính nhận thấy:

Về cơ bản đơn vị đã chấp hành chính sách và chế độ của Nhà nước. Thủ trưởng đơn vị và các bộ phận chuyên môn của Trường đã phối hợp tốt với Đoàn thanh tra trong việc cung cấp chứng từ kế toán, thuyết minh phục vụ cho công tác thanh tra. Đơn vị đã áp dụng tin học vào công tác kế toán, hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái. Tuy nhiên qua kiểm tra sổ sách, chứng từ kế toán thực tế tại đơn vị, thanh tra tài chính ghi nhận những mặt hạn chế sau đây:

1. Về lập dự toán thu, chi ngân sách: Đơn vị không lập dự toán thu, chi ngân sách để báo cáo cấp trên, sai quy định tại Luật Ngân sách và chế độ kế toán hiện hành.

2. Về Báo cáo tài chính:

- Báo cáo tài chính: lập chưa đầy đủ theo mẫu biểu quy định: thiếu bảng đối chiếu tình hình tạm ứng và thanh toán tạm ứng kinh phí ngân sách tại kho Bạc nhà nước (mẫu F02-3bH); Báo cáo chi tiết kinh phí dự án (mẫu F02-2H);

- Bảng cân đối tài khoản phản ánh thiếu các tài khoản 211 (TSCĐ hữu hình), tài khoản 213 (TSCĐ vô hình), tài khoản 214 (Hao mòn TSCĐ), tài khoản 466 (Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ); tài khoản ngoài bảng 005 (CC, dụng cụ lâu bền đang sử dụng).

- Không phản ánh vào trong Báo cáo tài chính nguồn kinh phí sửa chữa lớn TSCĐ giao không tự chủ (L160 – K167) năm 2015, số tiền **650.000.000đ** và 16 nguồn thu khác, các năm 2014, 2015, 2016 với tổng số tiền: **2.846.124.610đ**.

3. Về sổ sách kế toán:

- Sổ quỹ tiền mặt của kế toán: Cuối năm Kế toán mới in ra khóa sổ, không khóa sổ vào cuối mỗi tháng và cuối mỗi quý; Sổ quỹ tiền mặt của thủ quỹ là sổ viết tay không đúng mẫu theo quy định, không khóa sổ vào cuối mỗi tháng và cuối mỗi quý. Thủ quỹ chỉ mở 01 cuốn sổ để theo dõi tất cả các nguồn thu, chi và tạm ứng...

- Đơn vị chưa mở các sổ như: sổ theo dõi dự toán; sổ theo dõi tạm ứng kinh phí của kho bạc; sổ nhập xuất văn phòng phẩm công cụ dụng cụ, vật tư hàng hóa theo quy định tại Quyết định số 19/2006/QĐ-BTC ngày 30/3/2006 của Bộ Tài chính.

- Tất cả sổ sách kế toán đều không đóng dấu giáp lai, sai quy định của Luật Kế toán năm 2003 và Quyết định số 19/2006/QĐ-BTC ngày 30/3/2006 của Bộ Tài chính.

4. Về chứng từ kế toán:

- Đối với nguồn ngân sách NN cấp: Đơn vị lưu trữ chứng từ thiếu chặt chẽ, không đầy đủ theo quy định, dễ bị mất, bị thất lạc. Mua vật tư hàng hóa, công cụ dụng cụ không có phiếu giao nhận hàng theo quy định tại Thông tư số 185/2010/TT-BTC ngày 15/11/2010 của Bộ Tài chính; Không có giấy đề nghị mua sắm, sửa chữa của các Tổ bộ môn liên quan; Giấy đi đường không điền đầy đủ các thông tin cần thiết theo quy định.

- Đối với nguồn thu học phí: Thu không ra Biên lai tài chính, không báo cáo và quyết toán biên lai thu học phí với cơ quan Thuế, sai quy định tại Hướng dẫn liên ngành số 943/HDLN-SGDĐT-STC-SLĐTBXH ngày 01/8/2013 của Sở Giáo dục & Đào tạo, Sở Tài chính và Sở Lao động Thương binh & Xã hội và Thông tư số 153/2012/TT-BTC ngày 17/9/2012 của Bộ tài chính, hướng dẫn việc in, phát hành, quản lý và sử dụng các loại chứng từ thu tiền phí, lệ phí thuộc ngân sách nhà nước.

- Đối với các nguồn thu khác: Không lập phiếu thu, phiếu chi, chứng thanh toán là hóa đơn bán lẻ, biên nhận..., Hiệu trưởng ký duyệt chi trực tiếp trên hóa đơn, phiếu thu, phiếu tính tiền..., không phản ánh vào Báo cáo tài chính, sai quy định tại Luật ngân sách năm 2003 và Chế độ kế toán hành chính sự nghiệp ban hành kèm theo Quyết định số 19/2006/QĐ-BTC ngày 30/3/2006 của Bộ Tài chính.

PHẦN IV: KIẾN NGHỊ - XỬ LÝ

Để khắc phục những tồn tại đối với công tác quản lý tài chính tại đơn vị trong thời gian qua, nhằm nâng cao ý thức trách nhiệm, tăng cường kỷ cương, kỷ luật tài chính, từng bước đưa công tác quản lý tài chính vào nề nếp, thực hiện đúng Luật ngân sách, chế độ quản lý tài chính.

Từ kết quả thanh tra nêu trên, Thanh tra Sở Tài chính tỉnh Vĩnh Long kiến nghị, xử lý như sau:

1. Đối với Sở Giáo dục & Đào tạo tỉnh Vĩnh Long:

1.1. Phối hợp với Trường THCS và THPT Phú Quới kiểm điểm làm rõ trách nhiệm đối với Hiệu trưởng, phụ trách kế toán và các cá nhân khác có liên quan đến từng nội dung sai phạm, dẫn đến thu để ngoài báo cáo tài chính năm 2014, 2015, 2016 (nguồn thu khác), số tiền **2.846.124.610đ**; Chi sai nguyên tắc, chế độ quản lý tài chính, tổng số tiền: **553.675.637đ** (trong đó: nguồn NSNN cấp, số tiền: **265.190.989đ**; nguồn thu học phí số tiền: **49.684.500đ**; nguồn thu dịch vụ, số tiền: **27.876.000đ**; nguồn thu khác, số tiền: **210.924.148đ**; Nộp thiếu thuế GTGT, TNDN (nguồn thu dịch vụ) số tiền: **9.665.000đ**). Xem xét quy trách nhiệm bồi thường thu hồi nộp vào ngân sách Nhà nước.

1.2. Kiểm điểm làm rõ trách nhiệm đối với chuyên viên quản lý của Sở Giáo dục và Đào tạo (trực tiếp chuyên quản Trường các năm 2014, 2015, 2016): Chưa thực hiện tốt việc kiểm tra, giám sát, hướng dẫn đơn vị trong việc lập dự toán thu, chi ngân sách và quản lý, sử dụng kinh phí các nguồn NSNN cấp, nguồn thu học phí, nguồn thu dịch vụ và nguồn thu khác tại Trường từ đó dẫn đến việc quản lý tài chính của Trường có nhiều sai phạm như đã nêu ở phần II.

1.3. Chỉ đạo Trường THCS và THPT Phú Quới thực hiện đầy đủ, kịp thời các kiến nghị xử lý của Thanh tra Sở Tài chính đã nêu trong Kết luận thanh tra. Đồng thời tăng cường công tác quản lý về chuyên môn nghiệp vụ, thường xuyên kiểm tra công tác quản lý tài chính tại đơn vị, phát hiện xử lý, chấn chỉnh kịp thời các sai phạm trong thời gian qua.

2. Đối với Trường THCS và THPT Phú Quới:

2.1. Chấp hành nghiêm Luật kế toán, Chế độ kế toán hiện hành được ban hành tại Quyết định số 19/2006/QĐ-BTC ngày 30/3/2006 và các Thông tư hướng dẫn bổ sung chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc quản lý tài chính tại đơn vị; Xây dựng dự toán thu, chi để báo cáo cấp trên tổng hợp; khóa sổ sách kế toán theo đúng quy định; điều chỉnh sổ sách kế toán chi tiết khớp đúng với bảng cân đối tài khoản và báo cáo tài chính; hạch toán vào sổ sách kế toán và Báo cáo tài chính tất cả các khoản thu, chi khác; ghi chép, quản lý, lưu trữ, bảo quản tài liệu kế toán theo qui định hiện hành; chứng từ kế toán, sử dụng hóa đơn tài chính, chấm dứt việc thanh toán không có chứng từ, mua sắm hàng hóa vật tư... giá trị lớn không sử dụng hóa đơn tài chính; Chi thanh toán sai niên độ ngân sách. Chấn chỉnh rút kinh nghiệm những khoản chi chưa đảm bảo nguyên tắc tài chính đã nêu tại Kết luận thanh tra, số tiền: **123.391.845đ.**

2.2. Đề nghị Hạch toán vào BCTC các khoản thu khác để ngoài sổ sách, số tiền: **2.846.124.610đ.**

2.3. Hoàn trả lại nguồn cải cách tiền lương tổng số tiền: **166.949.923đ**, trong đó chưa trích 40% từ nguồn thu dịch vụ căn tin, nhà xe, VPP, các năm 2014, 2015, 2016, số tiền: 101.862.000đ; Sử dụng nguồn cải cách tiền lương (40% nguồn thu học phí), để chi trả BHXH, đã được ngân sách NN đảm bảo, sai quy định (năm 2015), số tiền: 65.087.923đ;

2.4. Đề nghị đơn vị chấm dứt việc thu tiền giấy thi của học sinh. Đối với khoản tiền **48.606.000đ** (gồm: còn tồn đến cuối năm 2016: 19.906.000đ, chi không có chứng từ: 28.700.000đ) theo nguyên tắc đơn vị phải hoàn trả lại cho người nộp, tuy nhiên do thời gian đã lâu, có nhiều học sinh đã tốt nghiệp ra trường nên không thể hoàn trả được do đó đề nghị đơn vị thu hồi giao về cho Hội phụ huynh học sinh quản lý. Khi sử dụng phải có sự thống nhất của hội phụ huynh học sinh.

2.5. Thu hồi và nộp vào tài khoản tạm giữ chờ xử lý của Thanh tra Sở Tài chính mở tại KBNN tỉnh Vĩnh Long (số hiệu TK: 3941.0.9043201.00000), tổng số tiền: **563.340.637đ** gồm:

- Chi sai nguyên tắc và chế độ QLTC là: **553.675.637đ** (chi tiết phụ lục số 05 kèm theo), trong đó:

+ Nguồn NSNN cấp, số tiền: 265.190.989đ;

+ Nguồn thu học phí số tiền: 49.684.500đ;

+ Nguồn thu dịch vụ, số tiền: 27.876.000đ;

+ Nguồn thu khác, số tiền: 210.924.148đ;

- Thuế GTGT, thuế TNDN (nguồn thu dịch vụ) đơn vị còn thiếu, số tiền: **9.665.000đ.**

2.6. Về công tác theo dõi và hạch toán TSCĐ: Đề nghị Bổ sung TK 005 (công cụ, dụng cụ lâu bền) vào tài khoản ngoài bảng trong bảng cân đối tài khoản; Bổ sung quy chế quản lý và sử dụng tài sản nhà nước thuộc phạm vi quản lý theo hướng dẫn số 1049/HD-STC ngày 21/9/2015 và thực hiện chế độ báo cáo công khai quản lý, sử dụng tài sản nhà nước tại đơn vị sự nghiệp công lập được giao quản lý, sử dụng tài sản nhà nước theo Thông tư số 89/2010/TT-BTC ngày 16/6/2010 của Bộ Tài chính. Hạch toán điều chỉnh chênh lệch nguyên giá TSCĐ, nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ và giảm Hao mòn TSCĐ vào trong báo cáo tài chính năm 2017 (theo bảng chi tiết tăng giảm TSCĐ, Đoàn thanh tra đã nêu trên).

2.7. Về xác định giá trị quyền sử dụng đất: Đề nghị đơn vị liên hệ với Sở Giáo dục và Đào tạo và Sở Tài chính (Phòng Quản lý giá và Công sản) để được hướng dẫn thủ tục xác định giá trị quyền sử dụng đất vào giá trị tài sản của đơn vị theo quy định.

